

**CÔNG TY CỔ PHẦN ANDES INVESTMENT HOLDING**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ANDES INVESTMENT HOLDING

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ANDES INVESTMENT HOLDING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ANDES HOLDING

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109922644

**3. Ngày thành lập:** 07/03/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 175 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0862423332

Fax:

Email: [AndesInvestmentHolding@gmail.com](mailto:AndesInvestmentHolding@gmail.com) Website: [l.com](http://l.com)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                 | 4511     |
| 2.  | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                   | 4541     |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(không bao gồm hoạt động đấu giá hàng hóa)                                                    | 4610     |
| 4.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                 | 4651     |
| 5.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                  | 4652     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                              | 4653     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                     | 4659     |
| 8.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                 | 4662     |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                             | 4663     |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các hàng hóa công ty kinh doanh | 8299     |
| 11. | Lập trình máy vi tính                                                                                                               | 6201     |
| 12. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                 | 6202     |
| 13. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                     | 6209     |
| 14. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                  | 6311     |
| 15. | Cổng thông tin<br>(Không bao gồm hoạt động báo chí)                                                                                 | 6312     |
| 16. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                                                       | 6399     |

|     |                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư, các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng (Không bao gồm hoạt động ủy thác về đầu tư, kinh doanh tài chính, chứng khoán) | 6619(Chính) |
| 18. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                    | 6810        |
| 19. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản                                                                                             | 6820        |
| 20. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                      | 7020        |
| 21. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                     | 7310        |
| 22. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                      | 7320        |
| 23. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                            | 4719        |
| 24. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                             | 4721        |
| 25. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                              | 4722        |
| 26. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                | 4723        |
| 27. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                     | 4730        |
| 28. | In ấn                                                                                                                                                                                                                         | 1811        |
| 29. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                      | 1812        |
| 30. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                     | 1820        |
| 31. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                | 7730        |
| 32. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Đại lý tư vấn, giới thiệu lao động, việc làm                                                                               | 7810        |
| 33. | Sản xuất điện                                                                                                                                                                                                                 | 3511        |
| 34. | Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống                                                                                                                                                                     | 3520        |
| 35. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4741        |
| 36. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                     | 4742        |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 10.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức           | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | LƯU THỊ<br>THÚY  | Số 20 ngõ 46 Văn<br>Cao, Phường Liễu<br>Giai, Quận Ba<br>Đình, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 6.000.0<br>00 | 60.000.000.000           | 60,000       | 113194503                                                                                                              |            |
|     |                  |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                              | Tổng số                            | 6.000.0<br>00 | 60.000.000.000           | 60,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                              |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | ĐÀO TRỌNG<br>HỢP | Thôn Quảng Tái,<br>Xã Trung Tú,<br>Huyện Ứng Hoà,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam           | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 2.000.0<br>00 | 20.000.000.000           | 20,000       | 0010950144<br>11                                                                                                       |            |
|     |                  |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                              | Tổng số                            | 2.000.0<br>00 | 20.000.000.000           | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                              |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                  |                                                                                 |                           |           |                |        |              |
|---|------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|--------------|
| 3 | HOÀNG MINH THẮNG | 59 Tập thể Bộ Vật Tư, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 2.000.000 | 20.000.000.000 | 20,000 | 001098018853 |
|   |                  |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                 | Tổng số                   | 2.000.000 | 20.000.000.000 | 20,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: LƯU THI THÚY

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc*

Sinh ngày: 08/08/1984

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 113194503

Ngày cấp: 21/03/2012      Nơi cấp: Công an tỉnh Hòa Bình

Địa chỉ thường trú: *Phố Bãi Nai, Xã Mông Hóa, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: Số 20 ngõ 46 Văn Cao, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội